

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/DS-ST

Ngày: 05/03/2021

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Luyện

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Việt Sang

2. Bà Nguyễn Thị Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên

Ngày 05/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2020/TLST-DS ngày 04/12/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐST-DS ngày 20/01/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-DS, ngày 08/02/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã ĐS, huyện YT, tỉnh BG.

- Bị đơn: Bà Trần Thị A, sinh năm 1962 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã ĐK, huyện YT, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là ông Phạm Xuân T trình bày: Do có quan hệ quen biết với bà Trần Thị A nên ngày 11/5/2015 ông có cho bà A vay số tiền là 50.000.000đ, thời gian vay là 01 tháng bà A sẽ trả đủ ông số tiền trên, tuy nhiên ông đã đòi bà A nhiều lần nhưng bà A chưa trả ông số tiền

trên, khi vay hai bên có làm giấy vay tiền.

Sau đó ngày 12/5/2015 ông cho bà A vay tiền số tiền 10.000.000đ; ngày 24/6/2015 cho vay 3.000.000đ; ngày 30/6/2015 cho vay 15.000.000đ; ngày 02/7/2015 cho vay 10.000.000đ những lần này việc cho vay giữa ông và bà A không có giấy tờ gì. Đến nay ông yêu cầu bà A trả cho ông số tiền gốc là 88.000.000đ và tiền lãi phát sinh với lãi suất 10%/năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế trình bày quan điểm:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật như xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tranh chấp; đúng tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng; thủ tục thụ lý vụ án; thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng

- *Nguyên đơn*: Chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Bộ luật tố tụng dân sự

- *Bị đơn*: Chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 463, Điều 466; Điều 357, khoản 2 Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc buộc bà Trần Thị A phải thanh toán cho ông Phạm Xuân T số tiền là 50.000.000đ

Án phí: Bà A phải chịu 2.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã Thông báo thụ lý, triệu tập bà A đến Tòa án làm việc nhưng bà A không đến Tòa án làm việc do đó Tòa án không lấy được lời khai của bà A. Tại phiên tòa bà A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bà A.

[2] Về số tiền gốc trong quá trình giải quyết nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc vay ngày 11/5/2015 là 50.000.000đ.

Về số tiền gốc Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ vào Giấy biên nhận vay tiền ngày 11/5/2015, ông Tĩnh cung cấp thì có thể thấy rằng do có quan hệ quen biết nên ngày 11/5/2015 bà Trần Thị A vay của ông Tĩnh số tiền là 50.000.000đ có chữ ký của người vay “*Trần Thị A*”. Tòa án đã Thông báo cho bà A về việc ông T khởi kiện yêu cầu trả số tiền 50.000.000đ nhưng bà A không ý kiến gì do vậy Tòa án căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định bà Trần Thị A có vay và còn nợ ông T số tiền gốc là 50.000.000đ.

[2] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết

Để đảm bảo quyền lợi cho người được thi hành án cần áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Đối với yêu cầu số tiền của các lần vay ngày 12/5/2015 ông T cho bà A vay tiền số tiền 10.000.000đ; ngày 24/6/2015 cho vay 3.000.000đ; ngày 30/6/2015 cho vay 15.000.000đ; ngày 02/7/2015 cho vay 10.000.000đ tổng là 38.000.000đ ông T rút yêu cầu do đó Tòa án đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T.

[4] Về án phí: Yêu cầu của ông T là có căn cứ nên không phải chịu án phí; bà A phải chịu án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 2 Luật thi hành án dân sự;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Trần Thị A phải thanh toán cho ông Phạm Xuân T số tiền là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân T đối với các khoản vay ngày 12/5/2015 số tiền 10.000.000đ; ngày 24/6/2015 số tiền

3.000.000đ; ngày 30/6/2015 số tiền 15.000.000đ; ngày 02/7/2015 số tiền 10.000.000đ tổng là 38.000.000đ.

Về án phí: bà Trần Thị A phải chịu 2.500.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện